



tesa® 51616 ID

Thông tin Sản phẩm



Băng keo nỉ PET dành cho ứng dụng giảm tiếng ồn cao

Product Description

tesa® 51616 là băng keo nỉ PET để quấn dây điện dựa trên keo cao su

Tính năng chính:

- Giảm tiếng ồn
- Chịu mài mòn cao
- Xé bằng tay
- Màu sắc: Đen

Ứng dụng

tesa® 51616 được thiết kế cho khoang hành khách, cung cấp tính linh hoạt và giảm tiếng ồn

Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

Cấu tạo sản phẩm

- | | | | |
|------------|------------|----------|--------|
| • Lớp nền | vải nỉ PET | • Độ dày | 650 µm |
| • Loại keo | cao su | | |

Loại sản phẩm

- | | |
|------------------|---------------|
| • Màu sắc có sẵn | black / white |
|------------------|---------------|

Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- | | | | |
|---------------------------------|---------|--|----------------------|
| • Độ giãn dài tối đứt | 35 % | • Khả năng chống mài mòn (5mm mandrel, LV312) | Class C |
| • Lực kéo căng | 30 N/cm | • Khả năng chống mài mòn (10mm mandrel, LV312) | Class D |
| • Giảm ồn (LV312) | Class D | • Khả năng xé bằng tay | có |
| • Khả năng chịu nhiệt tối thiểu | -40 °C | • Lực tháo ra (cuộn với bề rộng > 9mm) | 12 N/roll (30 m/min) |
| • Khả năng chịu nhiệt tối đa | 105 °C | • Lực tháo ra (cuộn với bề rộng ≤ 9mm) | 12 N/roll (30 m/min) |

Độ kết dính trên

- | | |
|--------|--------|
| • thép | 3 N/cm |
|--------|--------|

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=NaN>



tesa® 51616 ID

Thông tin Sản phẩm

Điều kiện bảo quản

Điều kiện bảo quản

- Storage temperature: 23°C (+/-10°C)
- Relative humidity: recommended 40–60% (room climate)
- Product guarantee: tesa guarantees a maximum shelf life of 12 months from date of dispatch (based on ISO 554)

Thông tin thêm

Độ rộng tiêu chuẩn: 9, 19, 25, 32 mm Độ dài tiêu chuẩn: 10 m * Hầu hết có thể kết hợp chiều rộng và chiều dài * Kích thước dài hơn có sẵn theo yêu cầu khách hàng * Đường kính lõi tiêu chuẩn: 38 mm * Lưu ý: Giá trị độ giãn mô tả giá trị tối thiểu

Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=NaN>